

Số: 01/2026/QĐST-HNGĐ

Lào Cai, ngày 24 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật”**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TỈNH LÀO CAI**

*Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Lìn Thị Lài.

*Thư ký phiên họp:* Bà Lý Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Lào Cai

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, tỉnh Lào Cai tham gia phiên họp:* Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Lào Cai, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 17/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026 về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026; quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Hội liên hiệp phụ nữ xã Bảo Thắng

Địa chỉ: Số nhà 20, đường Thanh Niên, thôn Phú Thành 4, xã Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Bích P - Chức vụ: Chủ tịch Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Người liên quan:

+ Chị Trương Thị T, sinh ngày 26/12/1978.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Lào Cai

Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

+ Anh Trịnh Đức C, sinh ngày 01/01/1975.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt lần thứ hai (Không có lý do).

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 31/12/2026 và quá trình Toà án giải quyết việc dân sự; người yêu cầu giải quyết việc dân sự Hội liên hiệp phụ nữ xã B trình bày:

Chị Trương Thị T, sinh ngày 26/12/1978 (theo trích lục cải chính hộ tịch từ 26/12/1977 thành Trương Thị T sinh năm 1978) và anh Trịnh Đức C, sinh ngày 01/01/1975 đăng ký kết hôn ngày 13/3/1995, tại UBND xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai (Nay là UBND xã B. Khi kết hôn chị Trương Thị T đã vi phạm

điều kiện kết hôn: Chưa đủ độ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Hội liên hiệp phụ nữ xã B, tỉnh Lào Cai yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Lào Cai hủy thời gian đăng ký kết hôn trái pháp luật giữa chị Trương Thị T và anh Trịnh Đức C, để làm căn cứ cho cơ quan đăng ký hộ tịch cải chính thông tin của chị Trương Thị T theo quy định.

Tại đơn yêu cầu và bản tự khai của chị Trương Thị T trình bày: Chị và anh Trịnh Đức C kết hôn ngày 13/3/1995, tại UBND xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai (Nay là UBND xã B, tỉnh Lào Cai). Khi kết hôn chị Trương Thị T đã vi phạm điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống không hợp nhau nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2025 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị Trương Thị T đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Hủy việc kết hôn được cấp ngày 13/3/1995 tại UBND xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Đến nay anh chị chung sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ đầu tháng 10 năm 2025 đến nay. Đến nay cuộc sống của chị và anh C không có hạnh phúc chị không muốn chung sống với anh C nữa. Vì vậy chị nhất trí đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật của chị và anh C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Trịnh Đức C có hai người con chung là cháu Trịnh Đức Q, sinh ngày 18/02/1995 và cháu Trịnh Đức M, sinh ngày 23/11/1998. Nay các cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị T không yêu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trịnh Đức C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh C không có văn bản trả lời và vắng mặt tại phiên họp.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên họp Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 6 Điều 3; Khoản 1 Điều 8, Khoản 2 Điều 10, Khoản 1 Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu của Hội liên hiệp phụ nữ xã B về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật. Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Trương Thị T và anh Trịnh Đức C theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 32, ngày 13/3/1995 do UBND xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là UBND xã B, tỉnh Lào Cai) cấp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Lào Cai nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hội liên hiệp phụ nữ xã B yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của chị Trương Thị T và anh Trịnh Đức C, chị T và anh C đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai (Nay là UBND xã B, tỉnh Lào Cai). Căn cứ Điều 29, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền của TAND khu vực 6, tỉnh Lào Cai. Tại phiên họp hội liên hiệp phụ nữ xã B, chị Trương Thị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Trịnh Đức C vắng mặt tại phiên họp lần thứ hai, căn cứ Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt người yêu cầu và người có quyền lợi liên quan.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tại giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 13/3/1995 thì chị Trương Thị T đã kết hôn với anh Trịnh Đức C tại UBND xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là UBND xã B). Bản thân chị T thừa nhận khi đăng ký kết hôn đã tự khai năm sinh của mình 1977. Thực tế theo giấy tờ tùy thân thì chị T sinh ngày 26/12/1978, như vậy thời điểm đăng ký kết hôn chị T 16 năm 02 tháng 15 ngày vi phạm quy định tại Điều 5 luật hôn nhân gia đình năm 1986 về điều kiện kết hôn là "Nữ từ mười tám tuổi trở lên" nên việc kết hôn của anh chị là trái luật. Ngoài ra anh chị không vi phạm điều kiện nào khác.

Xét thấy thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc thì chị T đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, tuy nhiên theo lời khai của chị T thì chị không muốn tiếp tục chung sống với nhau và muốn chấm dứt hôn nhân, chị nhất trí với yêu cầu của Hội liên hiệp phụ nữ xã Bảo Thắng; đối với anh Trịnh Đức C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh C không có ý kiến gì. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 4 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Hội liên hiệp phụ nữ xã B, hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Trương Thị T và anh Trịnh Đức C.

[3]. Về hậu quả của việc hủy kết hôn trái pháp luật.

3.1. Về hôn nhân: Tại đơn yêu cầu và bản tự khai, chị T xác nhận vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2025 đến nay, không còn quan tâm tới nhau, xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nữa nên chị đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Hội liên hiệp phụ nữ xã B, hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Trịnh Đức C, căn cứ khoản 1 Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 khi việc kết hôn trái pháp luật bị hủy thì chị Trương Thị T và anh Trịnh Đức C phải chấm dứt quan hệ vợ chồng.

3.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh C có 02 người con chung là Trịnh Đức Q sinh ngày 18/02/1995 và Trịnh Đức mền ngày 23/11/1998. Hiện nay hai con chung của anh chị đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3.3. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Hội liên hiệp phụ nữ xã B không phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 40; Điều 149; Điều 367; Điều 369; Điều 370 và Điều 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 6 Điều 3; Khoản 1 Điều 8; Khoản 2 Điều 10, Khoản 1 Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của Hội liên hiệp phụ nữ xã B.

Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Trương Thị T và anh Trịnh Đức C theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 32, ngày 13/3/1995 do UBND xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là UBND xã B, tỉnh Lào Cai).

2. Hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật: Chị Trương Thị T và anh Trịnh Đức C phải chấm dứt quan hệ vợ chồng kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Hội liên hiệp phụ nữ xã B, tỉnh Lào Cai không phải chịu tiền lệ phí việc dân sự.

4. Hội liên hiệp phụ nữ xã B, chị Trương Thị T, anh Trịnh Đức C có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 6 (2);
- Hội liên hiệp phụ nữ xã Bảo Thắng (01)
- Người liên quan (02)
- Phòng THADS khu vực 6;
- UBND xã Bảo Thắng;
- Lưu HS, VP.

#### **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Lìn Thị Lài**

